

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị thể thao Quốc tế Hà Nội (Khu đô thị thể thao Olympic) - đợt 1 trên địa bàn Đợt 1, thôn Rùa Hạ, xã Tam Hưng

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú	
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)			
1	Hộ ông: Lý Văn Nam	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001070017590	Thác	1.044,0	25	502	03	127	CE 397835	30/9/2016	LUC	1.764,0	546.840.000	1.367.100.000	10.000.000	1.923.940.000		
					720,0	20	01	01	115										LUC
2	Hộ bà: Nguyễn Thị Sứ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001133003032	Đồng Lục	1.542,0	25	58	03	65	CG 345057	30/12/2016	LUC	3.404,0	1.055.240.000	2.638.100.000	10.000.000	3.703.340.000		
				Cỏ Hạc	1.542,0	20	29	01	58										LUC
				Ép trong	320,0	20	02	01	117										LUC
3	Hộ bà: Nguyễn Thị Nhiên	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001145009231	Cửa Am	1.080,0	25	492	03	129	CE 397844	30/9/2016	LUC	2.160,0	669.600.000	1.674.000.000	10.000.000	2.353.600.000		
				Ép Ngoài	1.080,0	20	03	01	118										LUC
4	Hộ ông: Nguyễn Văn Phúc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059010682	Cửa Am	862,0	25	462	03	125	CE 396260	9/9/2016	LUC	1.724,0	534.440.000	1.336.100.000	10.000.000	1.880.540.000		
				Ép Trong	862,0	20	05	01	123										LUC
5	Hộ bà: Nguyễn Thị Thực	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001154021812	Ép Trong	324,0	20	04	01	294	CE 207228	31/8/2016	LUC	324,0	100.440.000	251.100.000	3.240.000	354.780.000		
6	Hộ ông: Nguyễn Văn Long (Lan)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059024021	Cửa Am	1.475,0	25	445	03	123	CE 586398	22/11/2016	LUC	2.626,0	814.060.000	2.035.150.000	10.000.000	2.859.210.000		
				Ép Trong	1.151,0	20	06	01	122										LUC
7	Hộ bà: Nguyễn Thị Thúy	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001179017445	Ép Trong	243,0	20	07	01	296	CE 336808	23/9/2016	LUC	486,0	150.660.000	376.650.000	4.860.000	532.170.000		
				Cửa Am	243,0	25	402	03	125										LUC
8	Hộ ông: Trịnh Xuân Thu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071045606	Ép Trong	243,0	20	09	01	99	CE 336807	23/9/2016	LUC	486,0	150.660.000	376.650.000	4.860.000	532.170.000		
				Cửa Am	243,0	25	362	03	114										LUC
9	Hộ ông: Trịnh Cao Văn (Ông Trịnh Cao Văn đã chết) - bà Trịnh Thị Thóa đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001180017616	Thác	375,0	25	274	03	99	CG 345029	30/12/2016	LUC	1.121,0	347.510.000	868.775.000	10.000.000	1.226.285.000		
				Cửa Am	188,0	25	378	03	114										LUC
				Ép Trong	558,0	20	10	01	125										LUC
10	Hộ bà: Nguyễn Thị Điệp	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001175010756	Thác	653,0	25	239	03	144	CE 396274	9/9/2016	LUC	1.306,0	404.860.000	1.012.150.000	10.000.000	1.427.010.000		
				Ép Trong	653,0	20	14	01	286										LUC
11	Hộ ông: Nguyễn Công Tích	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001072007937	Thác	537,0	25	228	03	97	CE 336815	23/9/2016	LUC	1.074,0	332.940.000	832.350.000	10.000.000	1.175.290.000		
				Ép Trong	537,0	20	12	01	287										LUC

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đông	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)		
12	Hộ bà: Hoàng Thị Dương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001143008928	Ép Trong	870,0	20	15	01	127	CE 586414	30/9/2016	LUC	1.853,0	574.430.000	1.436.075.000	10.000.000	2.020.505.000	
				Đồng Moi	180,0	21	49	01	288			LUC						
				Thác	803,0	25	263	03	145			LUC						
13	Hộ bà: Nguyễn Thị Nhung	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001149015177	Thác	1.179,0	25	250	03	96	CE 396263	9/9/2016	LUC	2.358,0	730.980.000	1.827.450.000	10.000.000	2.568.430.000	
				Ép Trong	1.179,0	21	10	01	129			LUC						
14	Hộ ông: Nguyễn Văn Cường (Tươi)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068038672	Ép trong	1.523,0	21	11	3	92	CE 207218	31/08/2016	LUC	3.046,0	944.260.000	2.360.650.000	10.000.000	3.314.910.000	
				Thác	1.523,0	25	214	1	130			LUC						
15	Hộ ông: Hoàng Đức Vinh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001069024389	Sau Miếu	351,0	25	03	03	06	CG 411819	30/12/2016	LUC	2.203,0	682.930.000	1.707.325.000	10.000.000	2.400.255.000	
				Thác	761,0	25	192	03	93			LUC						
				Ép trong	1.091,0	21	12	01	132			LUC						
16	Hộ ông: Nguyễn Văn Vượng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001057026075	Sau Miếu	1.697,0	25	8	03	05	CE 396262	9/9/2016	LUC	3.394,0	1.052.140.000	2.630.350.000	10.000.000	3.692.490.000	
				Ép trong	1.697,0	21	13	01	138			LUC						
17	Hộ ông: Nguyễn Văn Tường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001056024992	Sau Miếu	1.178,0	25	13	03	21	CE 397840	30/9/2016	LUC	2.691,0	834.210.000	2.085.525.000	10.000.000	2.929.735.000	
				Đồng Lân	360,0	25	81	03	73			LUC						
				Ép trong	1.153,0	21	16	01	143			LUC						
18	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình (Lai)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001053003899	Sau Miếu	1.317,0	25	23	03	29	CG 222111	22/12/2016	LUC	2.634,0	816.540.000	2.041.350.000	10.000.000	2.867.890.000	
				Ép trong	1.317,0	21	15	01	150			LUC						
19	Hộ ông: Nguyễn Văn Kỳ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001046001692	Cỏ Hạc	1.547,0	20	37	01	173	CG 222118	22/12/2016	LUC	2.251,0	697.810.000	1.744.525.000	10.000.000	2.452.335.000	
				Ép Trong	423,0	21	18	01	195			LUC						
				Thác	281,0	25	248	03	150			LUC						
20	Hộ bà: Lý Thị Sáu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001151017610	Ép trong	2.448,0	20	08	01	124	CE 396391	9/9/2016	LUC	2.448,0	758.880.000	1.897.200.000	10.000.000	2.666.080.000	
21	Hộ ông: Trần Văn Ngọc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073011698	Cỏ Hạc	360,0	20	72	01	259	CE 396271	9/9/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000	
22	Hộ ông: Nguyễn Văn Toanh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	035056009524	Đồng Lục	1.800,0	25	85	03	79	CE 396386	9/9/2016	LUC	3.888,0	1.205.280.000	3.013.200.000	10.000.000	4.228.480.000	
				Cỏ Hạc	1.800,0	20	36	01	174			LUC						
				Ép trong	288,0	20	17	01	289			LUC						
23	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Hoạt (Ông Nguyễn Mạnh Hoạt đã chết) - Bà Đặng Thị Tại đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001157015763	Đồng Moi	1.377,0	21	103	1	270	CE 207219	31/8/2016	LUC	2.753,0	853.430.000	2.133.575.000	10.000.000	2.997.005.000	
				Ép trong	1.376,0	20	18	1	128			LUC						

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)		
24	Hộ ông: Hoàng Văn Đại	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001079051528	Đồng Moi	1.251,0	25	05	03	4	CE 396279	9/9/2016	LUC	2.502,0	775.620.000	1.939.050.000	10.000.000	2.724.670.000	
				Ép trong	1.251,0	20	19	01	134			LUC						
25	Hộ ông: Lý Văn Năng (Ông Lý Văn Năng đã chết) - Bà Hoàng Thị Cúc đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001168003596	Đồng moi	1.179,0	25	16	03	03	CE 396390	9/9/2016	LUC	2.358,0	730.980.000	1.827.450.000	10.000.000	2.568.430.000	
				Ép trong	1.179,0	20	22	01	133			LUC						
26	Hộ ông: Nguyễn Văn Chiến (Mai)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001065033721	Ép trong	1.674,0	20	25	01	137	CE 397850	8/12/2016	LUC	3.402,0	1.054.620.000	2.636.550.000	10.000.000	3.701.170.000	
				Đồng Moi	1.116,0	25	10	03	22			LUC						
				Đồng Lân	612,0	25	29	03	42			LUC						
27	Hộ ông: Nguyễn Văn Át	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001065008388	Đồng Moi	1.100,0	25	21	03	24	CE 179484	31/8/2016	LUC	2.533,0	785.230.000	1.963.075.000	10.000.000	2.758.305.000	
				Sau đồng	170,0	25	24	03	23			LUC						
				Ép trong	1.263,0	21	14	01	144			LUC						
28	Hộ ông: Nguyễn Văn Hưng (Lan)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061028768	Sau đồng	1.098,0	25	34	03	45	CE 396387	9/9/2016	LUC	2.196,0	680.760.000	1.701.900.000	10.000.000	2.392.660.000	
				Ép trong	1.098,0	21	19	01	149			LUC						
29	Hộ ông: Nguyễn Văn Long (Ông Nguyễn Văn Long đã chết) - Bà Nguyễn Thị Sự đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001160059587	Ép trong	1.134,0	21	22	01	156	CE 207204	31/8/2016	LUC	2.268,0	703.080.000	1.757.700.000	10.000.000	2.470.780.000	
				Sau đồng	1.134,0	25	28	04	15			LUC						
30	Hộ ông: Nguyễn Văn Bốn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001054024945	Sau đồng	1.116,0	25	41	04	23	CE 396267	9/9/2016	LUC	2.253,0	698.430.000	1.746.075.000	10.000.000	2.454.505.000	
				Ép trong	1.137,0	21	23	01	162			LUC						
31	Hộ bà: Lý Thị Nghĩa	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001165035284	Ép Ngoài	1.111,0	21	20	01	155	CE 207633	07/9/2016	LUC	2.222,0	688.820.000	1.722.050.000	10.000.000	2.420.870.000	
				Sau Miếu	1.111,0	25	30	03	43			LUC						
32	Hộ ông: Hoàng Văn Ngọc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066009354	Sau Miếu	1.229,0	25	40	03	48	CG 126996	22/11/2016	LUC	2.458,0	761.980.000	1.904.950.000	10.000.000	2.676.930.000	
				Ép Ngoài	1.229,0	21	21	01	154			LUC						
33	Hộ ông: Đặng Văn Lịch (Ông Đặng Văn Lịch đã chết) - Bà Đặng Thị Sáng đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001182034622	Sau Miếu	1.062,0	25	48	03	59	CG 411605	30/12/2016	LUC	2.124,0	658.440.000	1.646.100.000	10.000.000	2.314.540.000	
				Ép Ngoài	1.062,0	21	24	01	163			LUC						
34	Hộ bà: Lý Thị Nam	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001153017632	Sau Miếu	1.008,0	25	52	03	67	CE 586416	30/9/2016	LUC	2.016,0	624.960.000	1.562.400.000	10.000.000	2.197.360.000	
				Ép Ngoài	1.008,0	21	27	01	168			LUC						
35	Hộ ông: Hoàng Văn Sinh (Ông Hoàng Văn Sinh đã chết)- ông Hoàng Văn Đông đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001085014673	Sau Miếu	1.350,0	25	70	03	76	CE 396268	9/9/2016	LUC	2.700,0	837.000.000	2.092.500.000	10.000.000	2.939.500.000	
				Ép Ngoài	1.350,0	21	35	01	178			LUC						

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đông	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú		
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)				
36	Hộ ông: Nguyễn Văn Thuận	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001053013836	Êp Ngoài	1.377,0	21	39	01	184	CE 179477	9/9/2016	LUC	2.754,0	853.740.000	2.134.350.000	10.000.000	2.998.090.000			
					Sau miếu	1.377,0	25	93	03										82	LUC
37	Hộ bà: Hoàng Thị Tâm (Bà Hoàng Thị Tâm đã chết)-Ông Nguyễn Văn Hùng đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001077013512	Êp Ngoài	1.440,0	21	41	01	183	CE 397849	30/9/2016	LUC	2.906,0	900.860.000	2.252.150.000	10.000.000	3.163.010.000			
					Sau Miếu	955,0	25	115	03										84	LUC
					Sau Miếu	511,0	25	181	03										90	LUC
38	Hộ ông: Nguyễn Văn Thân (Vượng)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001051013251	Sau Miếu	1.476,0	25	133	03	86	CE 397839	30/9/2016	LUC	2.998,0	929.380.000	2.323.450.000	10.000.000	3.262.830.000			
					Êp Ngoài	1.522,0	21	51	01										199	LUC
39	Hộ bà: Tạ Thị Lịch	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001138002743	Sau Miếu	1.476,0	25	119	03	85	CE 396269	9/9/2016	LUC	2.952,0	915.120.000	2.287.800.000	10.000.000	3.212.920.000			
					Êp Ngoài	1.476,0	21	60	01										207	LUC
40	Hộ ông: Nguyễn Văn Phi	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062016612	Đồng Lán	1.926,0	25	14	03	18	CG 241947	30/12/2016	LUC	2.095,0	649.450.000	1.623.625.000	10.000.000	2.283.075.000			
					Êp Ngoài	169,0	21	56	01										206	LUC
41	Hộ bà: Nguyễn Thị Thơm	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001135000162	Êp Ngoài	2.079,0	21	34	01	169	CE 397848	30/9/2016	LUC	4.842,0	1.501.020.000	3.752.550.000	10.000.000	5.263.570.000			
					Sau đồng	2.763,0	26	22	04										24	LUC
42	Hộ ông: Lý Văn Đăng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001054027092	Sau đồng	228,0	26	26	04	27	CE 396389	9/9/2016	LUC	2.881,0	893.110.000	2.232.775.000	10.000.000	3.135.885.000			
					Sau Miếu	1.199,0	25	32	03										44	LUC
					Êp Ngoài	1.454,0	21	37	01										177	LUC
43	Hộ bà: Nguyễn Thị Gái	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001146013605	Sau Miếu	1.326,0	25	25	03	27	CG 222115	22/12/2016	LUC	2.652,0	822.120.000	2.055.300.000	10.000.000	2.887.420.000			
					Êp Ngoài	1.326,0	21	44	01										186	LUC
44	Hộ ông: Nguyễn Văn Tương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001051006137	Sau Miếu	1.332,0	25	19	03	28	CE 179481	31/8/2016	LUC	2.664,0	825.840.000	2.064.600.000	10.000.000	2.900.440.000			
					Êp Ngoài	1.332,0	21	45	01										198	LUC
45	Hộ ông: Nguyễn Văn Hạnh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001063041814	Êp Ngoài	2.054,0	21	63	01	221	CG 222120	22/12/2016	LUC	2.254,0	698.740.000	1.746.850.000	10.000.000	2.455.590.000			
					Sau Miếu	200,0	25	54	03										143	LUC
46	Hộ bà: Trương Thị Dệt (Bà Trương Thị Dệt đã chết) - Bà Nguyễn Thị Phương đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001163039973	Êp Ngoài	360,0	21	57	01	299	CG 241953	30/12/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000			
47	Hộ ông: Nguyễn Văn Châu (Ông Nguyễn Văn Châu đã chết) - Ông Nguyễn Văn Năm đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001081021837	Sau Miếu	2.196,0	25	50	03	47	CE 207631	07/9/2016	LUC	2.196,0	680.760.000	1.701.900.000	10.000.000	2.392.660.000			

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)		
48	Hộ ông: Thâm Đình Vệ (Ông Thâm Đình Vệ đã chết) - Ông Thâm Đình Hà đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001088050996	Sau Miếu	1.134,0	25	61	03	66	CE 396258	9/09/2016	LUC	2.268,0	703.080.000	1.757.700.000	10.000.000	2.470.780.000	
				Ėp Ngoài	1.134,0	21	67	01	222			LUC						
49	Hộ ông: Lý Văn Khải	thôn Rùa Hạ, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001079044623	Sau Miếu	1.251,0	25	76	03	77	CE 396264	9/9/2016	LUC	2.767,0	857.770.000	2.144.425.000	10.000.000	3.012.195.000	
				Ėp Ngoài	1.516,0	21	79	01	228			LUC						
50	Hộ ông: Trần Văn Mẫn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001064015590	Sau Miếu	1.197,0	25	89	03	81	CG 222112	22/12/2016	LUC	2.841,0	880.710.000	2.201.775.000	10.000.000	3.092.485.000	
				Ėp Ngoài	1.217,0	21	73	01	245			LUC						
				Thác	427,0	25	345	03	149			LUC						
51	Hộ ông: Lý Văn Chiến (Bích)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001047001644	Đồng Moi	1.602,0	21	36	01	179	CE 586413	30/9/2016	LUC	3.204,0	993.240.000	2.483.100.000	10.000.000	3.486.340.000	
				Cửa Am	1.602,0	25	480	03	130			LUC						
52	Hộ ông: Nguyễn Văn Hiếu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059008874	Cửa Am	1.062,0	25	509	03	134	CE 179479	31/8/2016	LUC	2.124,0	658.440.000	1.646.100.000	10.000.000	2.314.540.000	
				Đồng Moi	1.062,0	21	38	01	180			LUC						
53	Hộ ông: Nguyễn Văn Nam	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001064026942	Cửa Am	1.233,0	25	519	03	133	CE 179487	31/8/2016	LUC	2.466,0	764.460.000	1.911.150.000	10.000.000	2.685.610.000	
				Đồng Moi	1.233,0	21	43	01	181			LUC						
54	Hộ ông: Hoàng Xuân Hùng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001081044728	Cửa Am	1.350,0	25	543	03	136	CE 207632	07/9/2016	LUC	2.700,0	837.000.000	2.092.500.000	10.000.000	2.939.500.000	
				Đồng Moi	1.350,0	21	46	01	202			LUC						
55	Hộ ông: Trần Văn Mộc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062040809	Cửa Am	1.252,0	25	535	3	137	CE 207217	31/8/2016	LUC	2.504,0	776.240.000	1.940.600.000	10.000.000	2.726.840.000	
				Đồng Moi	1.252,0	21	53	1	203			LUC						
56	Hộ ông: Trần Văn Hiến	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001052007704	Cửa Am	1.100,0	25	527	03	138	CE 397843	30/9/2016	LUC	2.200,0	682.000.000	1.705.000.000	10.000.000	2.397.000.000	
				Đồng Moi	1.100,0	21	61	02	207			LUC						
57	Hộ bà: Nguyễn Thị Mừng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001157029692	Cửa Am	180,0	25	557	3	148	CE 207223	31/8/2016	LUC	414,0	128.340.000	320.850.000	4.140.000	453.330.000	
				Đồng Moi	234,0	21	58	2	231			LUC						
58	Hộ ông: Hoàng Văn Châu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001058009701	Cửa Am	1.270,0	30	42	03	141	CG 241944	30/12/2016	LUC	3.057,0	947.670.000	2.369.175.000	10.000.000	3.326.845.000	
				Đồng Moi	1.270,0	22	177	02	211			LUC						
				Cỏ Hạc	517,0	20	54	01	235			LUC						
59	Hộ ông: Trịnh Văn Vũ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001067032946	Đồng Moi	336,0	21	48	01	200	CG 241952	30/12/2016	LUC	2.219,0	687.890.000	1.719.725.000	10.000.000	2.417.615.000	
				Cỏ Hạc	1.883,0	20	77	01	274			LUC						

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000đ/m2x2 = 310.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hệ)		
60	Hộ ông: Nguyễn Văn Luật	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001067005798	Đồng Moi	1.908,0	21	65	01	201	CE 586400	22/11/2016	LUC	1.908,0	591.480.000	1.478.700.000	10.000.000	2.080.180.000	
61	Hộ ông: Nguyễn Văn Chuyển	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068010578	Đồng Moi	1.458,0	21	54	01	204	CE 179476	31/8/2016	LUC	1.458,0	451.980.000	1.129.950.000	10.000.000	1.591.930.000	
62	Ông: Nguyễn Văn Bộ (Hoàng Thị Loan)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001089027489	Cỏ Hạc	558,0	20	59	04	30	CG 345055	30/12/2016	LUC	2.041,0	632.710.000	1.581.775.000	10.000.000	2.224.485.000	
				Đồng Moi	1.483,0	21	71	01	224			LUC						
63	Hộ ông: Nguyễn Đức Vân	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001060019936	Cỏ Hạc	558,0	20	51	01	214	CG 241949	30/12/2016	LUC	2.478,0	768.180.000	1.920.450.000	10.000.000	2.698.630.000	
				Đồng Moi	1.920,0	21	75	01	225			LUC						
64	Hộ ông: Trần Văn Thắng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001083022829	Đồng Moi	1.532,0	21	84	01	247	CE 396420	9/9/2016	LUC	1.532,0	474.920.000	1.187.300.000	10.000.000	1.672.220.000	
65	Hộ ông: Nguyễn Văn Sinh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001057033829	Sau Đồng	559,0	22	184	2	219	CE 207220	31/8/2016	LUC	1.926,0	597.060.000	1.492.650.000	10.000.000	2.099.710.000	
				Đồng Moi	1.367,0	21	89	2	218			LUC						
66	Hộ ông: Lý Văn Bình	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001060039089	Sau Đồng	1.908,0	22	174	02	213	CG 222108	22/12/2016	LUC	1.908,0	591.480.000	1.478.700.000	10.000.000	2.080.180.000	
67	Hộ ông: Nguyễn Văn Kiểm	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066005604	Sau Đồng	1.530,0	22	179	02	217	CG 222107	22/12/2016	LUC	1.530,0	474.300.000	1.185.750.000	10.000.000	1.670.050.000	
68	Hộ ông: Trịnh Minh Phương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001067012278	Sau Đồng	360,0	22	182	02	216	CE 207629	7/9/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000	
69	Hộ bà: Lý Thị Thắng	thôn Dụ Tiên, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001173011310	Sau Đồng	432,0	22	181	02	232	CE 396272	9/9/2016	LUC	432,0	133.920.000	334.800.000	4.320.000	473.040.000	
70	Hộ ông: Lý Văn Chiến (Xuân)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068022181	Sau Đồng	2.221,0	26	03	04	03	CG 345026	30/12/2016	LUC	2.959,0	917.290.000	2.293.225.000	10.000.000	3.220.515.000	
				Sau Đồng	738,0	22	180	02	220			LUC						
71	Hộ ông: Nguyễn Văn Giang	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001074014574	Sau Đồng	1.080,0	22	183	02	221	CG 222116	22/12/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	
72	Hộ ông: Thái Đình Thung	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001049012982	Đồng Lục	432,0	26	38	04	36	CE 179478	31/8/2016	LUC	1.800,0	558.000.000	1.395.000.000	10.000.000	1.963.000.000	
				Sau Đồng	1.368,0	22	187	02	222			LUC						
73	Hộ ông: Nguyễn Văn Công	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001067035233	Gò Sung	648,0	21	106	01	272	CG 411603	30/12/2016	LUC	1.958,0	606.980.000	1.517.450.000	10.000.000	2.134.430.000	
				Sau Đồng	1.310,0	26	01	04	01			LUC						
74	Hộ ông: Nguyễn Văn Hưng (Hà)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001067039826	Sau đồng	636,0	26	12	04	11	CG 241945	30/12/2016	LUC	1.909,0	591.790.000	1.479.475.000	10.000.000	2.081.265.000	
				Sau Đồng	715,0	26	04	04	02			LUC						
				Cỏ Hạc	558,0	20	45	01	213			LUC						
75	Hộ ông: Nguyễn Văn Quyết	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071021966	Sau Đồng	1.710,0	26	08	04	06	CG 222114	22/12/2016	LUC	1.710,0	530.100.000	1.325.250.000	10.000.000	1.865.350.000	
76	Hộ bà: Nguyễn Thị Ngoan (Bà Nguyễn Thị Ngoan đã chết) - Ông Nguyễn Văn Mộc đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062040809	Sau Đồng	720,0	22	188	04	79	CE 586399	22/11/2016	LUC	720,0	223.200.000	558.000.000	7.200.000	788.400.000	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000đ/m2x2 = 310.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hệ)		
77	Hộ ông: Nguyễn Văn Xuân	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001072017268	Sau Đồng	1.134,0	22	186	02	255	CG 126995	22/11/2016	LUC	1.134,0	351.540.000	878.850.000	10.000.000	1.240.390.000	
78	Hộ bà: Nguyễn Thị Nữ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	035152005794	Thác	1.252,0	25	407	03	116	CE 396385	9/9/20106	LUC	1.442,0	447.020.000	1.117.550.000	10.000.000	1.574.570.000	
				Thác	190,0	25	335	03	108			LUC						
79	Hộ ông: Nguyễn Văn Tấn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001047003062	Thác	1.323,0	25	288	03	109	CG 411813	30/12/2016	LUC	1.323,0	410.130.000	1.025.325.000	10.000.000	1.445.455.000	
80	Hộ ông: Nguyễn Văn Ước	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001069017982	Thác	640,0	25	309	03	102	CE 179493	31/8/2016	LUC	1.026,0	318.060.000	795.150.000	10.000.000	1.123.210.000	
				Thác	386,0	25	257	03	94			LUC						
81	Hộ ông: Nguyễn Văn Dân (Ông Nguyễn Văn Dân đã chết) - Bà Ngô Thị Hiếu đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001155026980	Sau đồng	520,0	26	21	04	20	CE 336813	23/9/2016	LUC	1.845,0	571.950.000	1.429.875.000	10.000.000	2.011.825.000	
				Thác	1.325,0	25	232	03	95			LUC						
82	Hộ ông: Thái Đình Úc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001051004472	Cỏ hạc	365,0	20	62	01	240	CE 179483	31/8/2016	LUC	1.512,0	468.720.000	1.171.800.000	10.000.000	1.650.520.000	
				Cỏ Hạc	1.147,0	20	46	01	212			LUC						
83	Hộ ông: Thảm Đình Bảo	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001053001698	Cỏ Hạc	1.521,0	20	48	01	192	CE 179494	31/8/2016	LUC	1.521,0	471.510.000	1.178.775.000	10.000.000	1.660.285.000	
84	Hộ ông: Trần Văn Hùng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068033832	Sau Đồng	1.116,0	26	18	04	21	CG 126994	22/11/2016	LUC	2.232,0	691.920.000	1.729.800.000	10.000.000	2.431.720.000	
				Thác	1.116,0	25	158	03	89			LUC						
85	Hộ bà: Lý Thị Nhung	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	00115507023	Sau đồng	1.125,0	26	16	04	16	CE 336811	23/9/2016	LUC	2.250,0	697.500.000	1.743.750.000	10.000.000	2.451.250.000	
				Thác	1.125,0	25	173	03	88			LUC						
86	Hộ ông: Lý Văn Tài	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062011422	Sau đồng	1.179,0	26	14	04	13	CE 396388	31/8/2016	LUC	2.382,0	738.420.000	1.846.050.000	10.000.000	2.594.470.000	
				Thác	313,0	25	148	03	87			LUC						
				Bờ Dùi	890,0	20	74	03	13			LUC						
87	Hộ ông: Nguyễn Văn Bầu (Ông Nguyễn Văn Bầu đã chết) - Bà Ngô Thị Gia đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001148017370	Sau Đồng	1.044,0	26	06	4	14	CE 207227	31/8/2016	LUC	2.520,0	781.200.000	1.953.000.000	10.000.000	2.744.200.000	
				Đồng Lục	432,0	26	35	4	38			LUC						
				Cánh Buồm	1.044,0	24	01	3	14			LUC						
88	Hộ bà: Cao Thị Cấn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001160033225	Cánh Buồm	1.269,0	24	03	03	15	CG 345056	30/12/2016	LUC	2.538,0	786.780.000	1.966.950.000	10.000.000	2.763.730.000	
				Sau Đồng	1.269,0	25	15	04	05			LUC						
89	Hộ ông: Lý Văn Lợi (Ông Lý Văn Lợi đã chết) - Bà Nguyễn Thị Tri đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001158010088	Sau Đồng	275,0	25	09	04	04	CE 397846	30/9/2016	LUC	2.880,0	892.800.000	2.232.000.000	10.000.000	3.134.800.000	
				Đồng Mòi	1.006,0	25	04	03	02			LUC						
				Bờ Rùi	1.599,0	24	6	03	16			LUC						
90	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Tiến	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001053013655	Cỏ hạc	1.620,0	20	42	01	90	CE 336810	23/9/2016	LUC	1.620,0	502.200.000	1.255.500.000	10.000.000	1.767.700.000	
91	Hộ bà: Nguyễn Thị Sinh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001140015448	Đồng Lục	1.325,0	26	33	04	35	CE 207634	07/09/2016	LUC	2.873,0	890.630.000	2.226.575.000	10.000.000	3.127.205.000	
				Cỏ Hạc	1.548,0	20	27	01	159			LUC						

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đồng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú	
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hệ)			
92	Hộ ông: Lê Văn Sang	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059028642	Đồng Moi	1.275,0	21	104	01	269	CG 222121	22/12/2016	LUC	2.550,0	790.500.000	1.976.250.000	10.000.000	2.776.750.000		
					Cánh Buồm	1.275,0	24	8	03			34							LUC
93	Hộ ông: Lê Tiến Chung	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001054010728	Đồng Moi	1.143,0	21	95	01	268	CE 179480	31/8/2016	LUC	2.286,0	708.660.000	1.771.650.000	10.000.000	2.490.310.000		
					Bờ dừi	1.143,0	24	11	03			35							LUC
94	Hộ ông: Trịnh Anh Vui	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061032540	Đồng Moi	1.197,0	21	90	01	248	CG 411815	30/12/2016	LUC	2.394,0	742.140.000	1.855.350.000	10.000.000	2.607.490.000		
					Cánh Buồm	1.197,0	24	12	03			38							LUC
95	Hộ ông: Hoàng Văn Thọ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001080010904	Đồng Moi	1.301,0	21	83	01	246	CE 396384	9/9/2016	LUC	2.602,0	806.620.000	2.016.550.000	10.000.000	2.833.170.000		
					Bờ Dừi	1.301,0	24	16	03			37							LUC
96	Hộ ông: Hoàng Văn Long	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061009359	Đồng Moi	1.179,0	21	74	01	226	CE 207630	7/9/2016	LUC	2.358,0	730.980.000	1.827.450.000	10.000.000	2.568.430.000		
					Cánh Buồm	1.179,0	24	15	03			54							LUC
97	Hộ bà: Hoàng Thị Huệ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001165020651	Đồng Moi	1.107,0	21	80	01	227	CE 179486	31/8/2016	LUC	2.214,0	686.340.000	1.715.850.000	10.000.000	2.412.190.000		
					Bờ dừi	1.107,0	24	19	01			57							LUC
98	Hộ ông: Nguyễn Văn Thành (Hoàn)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001064015518	Bờ Dừi	1.256,0	24	24	03	56	CE 396381	9/9/2016	LUC	2.539,0	787.090.000	1.967.725.000	10.000.000	2.764.815.000		
					Đồng Moi	1.130,0	21	86	01			250							LUC
					Đồng Moi	153,0	21	70	01			223							LUC
99	Hộ ông: Nguyễn Văn Lý (Ông Nguyễn Văn Lý đã chết)- Ông Nguyễn Văn Cương đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073038774	Đồng Moi	1.404,0	21	88	01	249	CE 179495	31/8/2016	LUC	2.808,0	870.480.000	2.176.200.000	10.000.000	3.056.680.000		
					Bờ dừi chéo	978,0	24	30	03			72							LUC
					Bờ Dừi	426,0	20	76	01			275							LUC
100	Hộ ông: Nguyễn Văn Kỳ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061029311	Đồng Moi	1.206,0	21	98	01	267	CE 179491	31/8/2016	LUC	2.412,0	747.720.000	1.869.300.000	10.000.000	2.627.020.000		
					Cỏ Hạc	611,0	20	69	01			257							LUC
					Cỏ Hạc	595,0	20	60	01			239							LUC
101	Hộ ông: Nguyễn Văn Lạc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001060009134	Đồng Lạc	1.637,0	25	43	03	46	CE 396382	9/9/2016	LUC	3.274,0	1.014.940.000	2.537.350.000	10.000.000	3.562.290.000		
					Cỏ hạc	1.637,0	20	20	01			135							LUC
102	Hộ ông: Nguyễn Văn Trường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062023920	Đồng lạc	1.411,0	25	51	03	61	CE 179492	31/8/2016	LUC	2.941,0	911.710.000	2.279.275.000	10.000.000	3.200.985.000		
					Cỏ Hạc	1.530,0	20	23	01			136							LUC
103	Hộ ông: Vũ Bá Hiến	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001049003356	Đồng Lạc	1.704,0	25	47	03	62	CE 396285	9/9/2016	LUC	3.409,0	1.056.790.000	2.641.975.000	10.000.000	3.708.765.000		
					Cỏ hạc	1.705,0	20	24	01			146							LUC
104	Hộ ông: Thái Đình Phúc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001054023839	Đồng Lạc	1.611,0	25	53	03	63	CE 179485	31/8/2016	LUC	3.222,0	998.820.000	2.497.050.000	10.000.000	3.505.870.000		
					Cỏ Hạc	1.611,0	20	26	01			148							LUC

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đông	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000d/m2x2 = 310.000d/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú	
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hệ)			
105	Hộ ông: Nguyễn Văn Điều	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059009236	Đồng Lạc	1.529,0	25	67	03	64	CE 397847	30/9/2016	LUC	3.058,0	947.980.000	2.369.950.000	10.000.000	3.327.930.000		
					Cỏ Hạc	1.529,0	20	31	01										157
106	Hộ ông: Nguyễn Văn Minh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001055008115	Đồng Lạc	1.647,0	25	74	03	78	CE 336814	23/9/2016	LUC	3.150,0	976.500.000	2.441.250.000	10.000.000	3.427.750.000		
					Cỏ Hạc	1.025,0	20	39	01										189
					Cỏ Hạc	478,0	20	33	01										161
107	Hộ ông: Nguyễn Văn Trống	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001058009696	Đồng Lạc	1.578,0	25	97	03	80	CG 411818	30/12/2016	LUC	3.156,0	978.360.000	2.445.900.000	10.000.000	3.434.260.000		
					Cỏ Hạc	1.578,0	20	35	01										172
108	Hộ ông: Nguyễn Văn Hình	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001057031104	Đồng Lạc	1.672,0	25	118	4	34	CE 207206	31/8/2016	LUC	3.344,0	1.036.640.000	2.591.600.000	10.000.000	3.638.240.000		
					Cỏ Hạc	1.672,0	20	32	1										160
109	Hộ bà: Hoàng Thị Lan	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001187031142	Cỏ Hạc	1.188,0	20	52	01	215	CE 397838	30/9/2016	LUC	1.746,0	541.260.000	1.353.150.000	10.000.000	1.904.410.000		
					Cỏ Hạc	558,0	20	57	01										237
110	Hộ ông: Nguyễn Văn Cường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001076011882	Gò Sung	692,0	21	105	01	271	CE 397841	30/9/2016	LUC	1.832,0	567.920.000	1.419.800.000	10.000.000	1.997.720.000		
					Cỏ Hạc	1.140,0	21	28	01										170
111	Hộ bà: Nguyễn Thị Nghĩa	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001150018709	Cỏ Hạc	720,0	21	33	01	171	CE 396261	9/9/2016	LUC	720,0	223.200.000	558.000.000	7.200.000	788.400.000		
112	Hộ ông: Trịnh Anh Bình	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001056029095	Cỏ Hạc	1.804,0	21	29	1	176	CE 207205	31/8/2016	LUC	1.804,0	559.240.000	1.398.100.000	10.000.000	1.967.340.000		
113	Hộ ông: Nguyễn Văn Nhu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001040007257	Cỏ Hạc	730,0	20	40	01	175	CG 241954	30/12/2016	LUC	730,0	226.300.000	565.750.000	7.300.000	799.350.000		
114	Hộ ông: Nguyễn Văn Bầu (Ông Nguyễn Văn Bầu đã chết) - Bà Đào Thị Bốn đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001161002567	Cỏ Hạc	1.224,0	20	38	1	187	CE 207216	31/08/2016	LUC	1.224,0	379.440.000	948.600.000	10.000.000	1.338.040.000		
115	Hộ ông: Hoàng Anh Tuấn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001075021018	Cỏ Hạc	1.340,0	20	41	01	188	CG 345028	30/12/2016	LUC	1.340,0	415.400.000	1.038.500.000	10.000.000	1.463.900.000		
116	Hộ ông: Đặng Văn Nghĩa	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066000799	Cỏ Hạc	1.465,0	20	43	01	194	CE 179489	31/08/2016	LUC	1.465,0	454.150.000	1.135.375.000	10.000.000	1.599.525.000		
117	Hộ ông: Hoàng Văn Tư	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068039753	Cỏ Hạc	1.458,0	20	47	01	193	CE 179473	31/08/2016	LUC	1.458,0	451.980.000	1.129.950.000	10.000.000	1.591.930.000		
118	Hộ ông: Lý Văn Đông	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001064010242	Cỏ Hạc	2.016,0	20	44	01	211	CG 241951	30/12/2016	LUC	2.574,0	797.940.000	1.994.850.000	10.000.000	2.802.790.000		
					Đông Lán	308,0	25	39	03										142
					Êp Ngoài	250,0	21	26	01										151
119	Hộ ông: Hoàng Văn Dũng	thôn Rùa Hạ 2, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073006504	Cỏ Hạc	540,0	20	49	01	217	CE 397834	30/9/2016	LUC	540,0	167.400.000	418.500.000	5.400.000	591.300.000		
120	Hộ ông: Đặng Đoàn Hải	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073027579	Cỏ Hạc	540,0	20	50	01	216	CE 396254	9/9/2016	LUC	540,0	167.400.000	418.500.000	5.400.000	591.300.000		
121	Hộ ông: Lý Văn Doanh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001074034564	Cỏ Hạc	1.080,0	20	56	1	232	CE 207224	31/8/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000		
122	Hộ ông: Nguyễn Văn Kháng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001064038138	Cỏ Hạc	1.944,0	20	58	1	233	CE 207207	2016	LUC	1.944,0	602.640.000	1.506.600.000	10.000.000	2.119.240.000		
123	Hộ bà: Lý Trà Cúc	Thôn Thiên Đông, xã Tam Hưng	001168013865	Cỏ Hạc	846,0	20	61	01	242	CG 222109	22/12/2016	LUC	846,0	262.260.000	655.650.000	8.460.000	926.370.000		

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đóng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000đ/m2x2 = 310.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hộ)		
124	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062013080	Cổ Hạc	1.818,0	20	67	01	241	CE 397837	30/9/2016	LUC	1.818,0	563.580.000	1.408.950.000	10.000.000	1.982.530.000	
125	Hộ bà: Lý Thị Nga	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001148002453	Cổ Hạc	957,0	20	65	01	256	CE 396283	9/9/2016	LUC	957,0	296.670.000	741.675.000	9.570.000	1.047.915.000	
126	Hộ ông: Nguyễn Văn Phấn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001062041792	Cổ Hạc	1.926,0	20	70	1	260	CE 207212	31/8/2016	LUC	1.926,0	597.060.000	1.492.650.000	10.000.000	2.099.710.000	
127	Hộ ông: Nguyễn Văn Long	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001076068950	Cổ Hạc	360,0	20	73	01	258	CE 396266	9/9/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000	
128	Hộ ông: Nguyễn Văn Quang	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001074021794	Gò Sung	393,0	21	68	1	218	CE 207211	31/8/2016	LUC	618,0	191.580.000	478.950.000	6.180.000	676.710.000	
				Gò Sung	225,0	21	40	1	195			LUC						
129	Hộ ông: Hoàng Văn Nam	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001070048759	Gò Sung	1.087,0	21	47	01	196	CG 222110	22/12/2016	LUC	1.087,0	336.970.000	842.425.000	10.000.000	1.189.395.000	
130	Hộ ông: Nguyễn Văn Cường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071026660	Gò Sung	720,0	21	50	01	197	CE 586397	22/11/2016	LUC	720,0	223.200.000	558.000.000	7.200.000	788.400.000	
131	Hộ ông: Lê Đình Thư	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061018644	Gò Sung	1.623,0	21	62	01	210	CE 179488	31/8/2016	LUC	1.623,0	503.130.000	1.257.825.000	10.000.000	1.770.955.000	
132	Hộ ông: Hoàng Văn Tập	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066003004	Gò Sung	1.530,0	21	55	1	219	CE 207226	31/8/2016	LUC	1.530,0	474.300.000	1.185.750.000	10.000.000	1.670.050.000	
133	Hộ bà: Lý Thị Trà	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001170005847	Gò Sung	1.112,0	21	69	01	220	CE 396280	9/9/2016	LUC	1.112,0	344.720.000	861.800.000	10.000.000	1.216.520.000	
134	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Đoạt	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001052008285	Gò Sung	3.096,0	21	77	01	229	CG 411604	30/12/2016	LUC	3.096,0	959.760.000	2.399.400.000	10.000.000	3.369.160.000	
135	Hộ ông: Lê Văn Hiếu	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001069031424	Gò Sung	1.376,0	21	85	01	244	CE 396275	9/9/2016	LUC	1.376,0	426.560.000	1.066.400.000	10.000.000	1.502.960.000	
136	Hộ ông: Nguyễn Văn Tiến	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071047679	Gò Sung	1.080,0	21	93	01	252	CE 336805	23/9/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	
137	Hộ bà: Nguyễn Thị Hát	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001136009336	Gò Sung	756,0	21	87	01	251	CE 586415	30/9/2016	LUC	756,0	234.360.000	585.900.000	7.560.000	827.820.000	
138	Hộ ông: Nguyễn Văn Hạnh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001065033230	Gò Sung	1.932,0	21	96	01	216	CG 411812	30/12/2016	LUC	1.932,0	598.920.000	1.497.300.000	10.000.000	2.106.220.000	
139	Hộ ông: Lý Văn Công	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001070012594	Gò Sung	1.458,0	21	72	01	231	CE 179474	31/8/2016	LUC	1.458,0	451.980.000	1.129.950.000	10.000.000	1.591.930.000	
140	Hộ ông: Nguyễn Văn Chuyên	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071012772	Gò Sung	1.332,0	21	76	1	230	CE 207221	31/8/2016	LUC	1.332,0	412.920.000	1.032.300.000	10.000.000	1.455.220.000	
141	Hộ ông: Thái Đình Ninh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068039867	Gò Sung	1.530,0	21	82	01	243	CE 396265	9/9/2016	LUC	2.070,0	641.700.000	1.604.250.000	10.000.000	2.255.950.000	
				Đồng Lục	540,0	26	34	04	39			LUC						
142	Hộ ông: Nguyễn Văn Thường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066048931	Gò Sung	2.304,0	21	92	01	254	CE 396278	9/9/2016	LUC	2.304,0	714.240.000	1.785.600.000	10.000.000	2.509.840.000	
143	Hộ bà: Lê Thị Bé (Bà Lê Thị Bé đã chết) - Con trai: Trịnh Quốc Toàn đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001072030190	Gò Sung	1.782,0	21	97	01	263	CE 396256	9/9/2016	LUC	1.782,0	552.420.000	1.381.050.000	10.000.000	1.943.470.000	
144	Hộ ông: Nguyễn Văn Thân	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068009070	Gò Xung	1.080,0	21	102	3	1	CE 207208	31/8/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	
145	Hộ bà: Lê Thị Cúc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001167025543	Gò Sung	1.350,0	25	06	03	7	CE 396276	9/9/2016	LUC	1.350,0	418.500.000	1.046.250.000	10.000.000	1.474.750.000	
146	Hộ ông: Nguyễn Văn Thông	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001070106333	Gò Sung	1.080,0	25	17	03	19	CG 222117	22/12/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	
147	Hộ ông: Nguyễn Văn Thành	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001078043292	Gò Sung	1.080,0	25	12	03	20	CG 222119	22/12/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đóng	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000đ/m2x2 = 310.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hệ)		
148	Hộ ông: Trần Văn Vương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001057035953	Đồng Lân	713,0	25	44	03	50	CE 397842	30/9/2016	LUC	1.963,0	608.530.000	1.521.325.000	10.000.000	2.139.855.000	
				Gò Sung	760,0	25	18	03	30			LUC						
				Ép trong	490,0	20	78	01	116			LUC						
149	Hộ bà: Nguyễn Thị Nha	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001133003006	Đồng Lân	1.386,0	25	38	03	51	CE 396255	9/9/2016	LUC	1.386,0	429.660.000	1.074.150.000	10.000.000	1.513.810.000	
150	Hộ bà: Nguyễn Thị Chanh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001149005407	Đồng Lân	1.368,0	25	35	03	41	CE 179472	31/8/2016	LUC	1.368,0	424.080.000	1.060.200.000	10.000.000	1.494.280.000	
151	Hộ ông: Nguyễn Văn Tư	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001065041533	Đồng Lân	2.148,0	25	01	03	09	CE 336812	23/9/2016	LUC	2.148,0	665.880.000	1.664.700.000	10.000.000	2.340.580.000	
152	Hộ bà: Lý Thị Biện (Bà Lý Thị Biện Đã chết)- Ông Hoàng Văn Dũng đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001075042427	Đồng Lân	1.224,0	21	99	01	273	CE 336806	23/09/2016	LUC	1.224,0	379.440.000	948.600.000	10.000.000	1.338.040.000	
153	Hộ ông: Hoàng Văn Luyện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001070007384	Đồng Moi	540,0	21	94	01	262	CE 396273	9/9/2016	LUC	540,0	167.400.000	418.500.000	5.400.000	591.300.000	
154	Hộ bà: Nguyễn Thị Thanh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001169008664	Đồng Lân	1.548,0	20	71	01	261	CG 411816	30/12/2016	LUC	1.548,0	479.880.000	1.199.700.000	10.000.000	1.689.580.000	
155	Hộ ông: Nguyễn Văn Thương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068021728	Đồng Lân	1.087,0	24	2	03	11	CE 397836	30/9/2016	LUC	1.927,0	597.370.000	1.493.425.000	10.000.000	2.100.795.000	
				Đồng Lân	840,0	20	63	01	255			LUC						
156	Hộ ông: Nguyễn Văn Yên	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001074010526	Đồng Lân	360,0	24	5	3	10	CE 207210	31/8/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000	
157	Hộ ông: Nguyễn Đức Thọ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001075005982	Đồng Lân	1.442,0	24	10	03	17	CE 207628	7/9/2016	LUC	1.442,0	447.020.000	1.117.550.000	10.000.000	1.574.570.000	
158	Hộ ông: Nguyễn Tiến Công (Ký)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001090013716	Đồng Lân	1.728,0	24	7	03	33	CE 396281	9/9/2016	LUC	1.728,0	535.680.000	1.339.200.000	10.000.000	1.884.880.000	
159	Hộ ông: Trần Văn Nhung	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068033754	Đồng Lân	2.052,0	25	20	03	31	CG 241946	30/12/2016	LUC	2.052,0	636.120.000	1.590.300.000	10.000.000	2.236.420.000	
160	Hộ ông: Nguyễn Tiến Minh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001071012977	Đồng Lân	918,0	25	31	03	40	CE 179471	31/8/2016	LUC	918,0	284.580.000	711.450.000	9.180.000	1.005.210.000	
161	Hộ bà: Hoàng Thị Lộc	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001162037542	Đồng Lân	1.368,0	25	27	03	53	CE 396259	9/9/2016	LUC	1.368,0	424.080.000	1.060.200.000	10.000.000	1.494.280.000	
162	Hộ ông: Nguyễn Văn Thắng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073013180	Đồng Lân	900,0	25	42	03	52	CE 396282	9/9/2016	LUC	900,0	279.000.000	697.500.000	9.000.000	985.500.000	
163	Hộ ông: Lê Minh Thắng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001077014533	Đồng Lân	1.440,0	25	49	03	58	CE 207202	31/8/2016	LUC	1.440,0	446.400.000	1.116.000.000	10.000.000	1.572.400.000	
164	Hộ ông: Trần Văn Đức	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001056015191	Đồng Lân	1.152,0	25	46	03	71	CE 396383	9/9/2016	LUC	1.838,0	569.780.000	1.424.450.000	10.000.000	2.004.230.000	
				Thác	686,0	25	481	03	135			LUC						
165	Hộ ông: Trịnh Văn Toàn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001074014331	Đồng Lân	540,0	25	56	03	70	CG 241948	30/12/2016	LUC	540,0	167.400.000	418.500.000	5.400.000	591.300.000	
166	Hộ ông: Nguyễn Tiến Công (Bình)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073040267	Đồng Lân	1.206,0	25	63	3	69	CE 207222	31/8/2016	LUC	1.206,0	373.860.000	934.650.000	10.000.000	1.318.510.000	
167	Hộ ông: Nguyễn Văn Toàn	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001072041862	Thác	548,0	25	354	03	104	CG 222113	22/12/2016	LUC	1.116,0	345.960.000	864.900.000	10.000.000	1.220.860.000	
				Đồng Lân	568,0	25	78	03	74			LUC						
168	Hộ ông: Hoàng Văn Cương	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001072021817	Thác	1.080,0	25	277	03	100	CE 396270	9/9/2016	LUC	1.080,0	334.800.000	837.000.000	10.000.000	1.181.800.000	
169	Hộ ông: Trần Văn Minh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001066039656	Thác	2.070,0	25	308	03	103	CG 241950	30/12/2016	LUC	2.070,0	641.700.000	1.604.250.000	10.000.000	2.255.950.000	
170	Hộ ông: Trần Văn Thực	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073027573	Thác	720,0	25	322	03	106	CE 207201	31/8/2016	LUC	720,0	223.200.000	558.000.000	7.200.000	788.400.000	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Số CCCD	Xứ đông	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi vĩnh viễn đợt 1 (m2)	Thông tin theo trích đo bản đồ địa chính		Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất				Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (Đợt 1)	Bồi thường đất nông nghiệp (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội) 155.000đ/m2x2 = 310.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND TP Hà Nội		Tổng cộng tiền BT, HT	Ghi chú
						TBD	ST	TBD	ST	Số phát hành	Ngày cấp				Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hộ)		
171	Hộ bà: Trần Thị Hà	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001157024417	Thắc	653,0	25	332	03	105	CE 396284	9/9/2016	LUC	653,0	202.430.000	506.075.000	6.530.000	715.035.000	
172	Hộ ông: Hoàng Anh Cường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001077039406	Thắc	1.530,0	25	388	03	111	CE 336809	23/9/2016	LUC	1.530,0	474.300.000	1.185.750.000	10.000.000	1.670.050.000	
173	Hộ ông: Nguyễn Văn Tác	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001060038241	Thắc	1.242,0	25	368	3	112	CE 207215	31/8/2016	LUC	1.242,0	385.020.000	962.550.000	10.000.000	1.357.570.000	
174	Hộ ông: Lý Mạnh Cường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001075008940	Thắc	1.656,0	25	410	03	115	CE 396277	9/9/2016	LUC	1.656,0	513.360.000	1.283.400.000	10.000.000	1.806.760.000	
175	Hộ bà: Nguyễn Thị Đường	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001160011252	thắc	838,0	25	449	03	121	CE 586801	30/9/2016	LUC	838,0	259.780.000	649.450.000	8.380.000	917.610.000	
176	Hộ bà: Nguyễn Thị Huệ	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001156015930	thắc	330,0	25	437	03	122	CE 396257	9/9/2016	LUC	330,0	102.300.000	255.750.000	3.300.000	361.350.000	
177	Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (Tỉnh)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001060041769	Thắc	1.110,0	25	367	03	117	CE 179482	31/8/2016	LUC	1.110,0	344.100.000	860.250.000	10.000.000	1.214.350.000	
178	Hộ bà: Thâm Thị Cát (Bà Thâm Thị Cát đã chết) - Ông Lê Tiến Chung đại diện	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001054010728	Thắc	972,0	25	451	3	119	CE 207213	31/8/2016	LUC	972,0	301.320.000	753.300.000	9.720.000	1.064.340.000	
179	Hộ ông: Nguyễn Văn Tăng	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001059019513	Thắc	1.368,0	25	433	03	120	CE 179475	31/8/2016	LUC	1.368,0	424.080.000	1.060.200.000	10.000.000	1.494.280.000	
180	Hộ ông: Trần Văn Trâm	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001061027336	Thắc	720,0	25	491	3	128	CE 207214	31/8/2016	LUC	720,0	223.200.000	558.000.000	7.200.000	788.400.000	
181	Hộ bà: Nguyễn Thị Song	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001163021012	Thắc	1.142,0	25	463	03	126	CG 411549	30/12/2016	LUC	1.142,0	354.020.000	885.050.000	10.000.000	1.249.070.000	
182	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình (Quyñh)	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001068031158	Ëp Ngoài	270,0	21	66	03	73	CG 241943	30/12/2016	LUC	270,0	83.700.000	209.250.000	2.700.000	295.650.000	
183	Hộ ông: Trần Văn Mạnh	thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	001073002388	Sau Đông	360,0	22	185	4	80	CE 207225	31/08/2016	LUC	360,0	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000	
II	Tổng cộng (I)				336.671,0								336.671,0	104.368.010.000	260.920.025.000	1.698.500.000	366.986.535.000	